TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH V**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 212 /2025/DS-PT
Ngày 25-7-2025
V/v tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng thuê Q1 sử dụng đất, kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh E.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2024/TLPT-DS ngày 29/11/2024 về "Tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng thuê Q1 sử dụng đất, kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2024/DS-ST ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - V) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2025/QĐ-PT ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phan Thanh Th2, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp T3, xã T, huyện B, tỉnh E (nay là Ấp T3, xã Th, tỉnh V).

1.2. Anh Phan Huy L1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh E (nay là Ấp T2, xã Th, tỉnh V).

1.3. Anh Phan Thanh L2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 7, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ (nay Ấp 7, là xã S, tỉnh Đ).

Người đại diện theo ủy Q1 của ông Phan Huy L1, Phan Thanh L2: Bà Phan Thanh Th2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T3, xã T, huyện B, tỉnh E (nay là xã Th, tỉnh V).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh Th1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh E (nay là Ấp B1 Trung , xã Tr2, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy Q1 của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 301C1, Đường P phường PK, thành phố E, tỉnh E (nay là Số 301C1, Dường đ, phường Pk, tỉnh V).

3. Người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phan Ngọc L, sinh năm 1980

3.2. Anh Đỗ Châu Q, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B, xã Tr2, tỉnh V).

3.3. Anh Phan Thanh Thiệu, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B, xã Tr2, tỉnh V).

3.4. Chị Phan Hồng C1, sinh năm 1993

3.5 Chị Phan C1 L1, sinh năm 1991

3.6. Bà Lê Thị Nhung, sinh năm 1958

3.7. Ông Phan Thanh H1, sinh năm 1958

3.8. Ông Phan Thanh B1, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp B1 Trung, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B1 Trung, xã Tr2, tỉnh V).

3.9. Anh Phan Thanh L2, sinh năm 1989

3.10. Chị Phan Thị a, sinh năm 1982

3.11. Chị Phan Thị Thanh a, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (nay là Ấp 7, xã Thanh Sơn, tỉnh Đồng Nai).

3.12. Bà Nguyễn Thị Như Th, sinh năm 1947

3.13. Anh Phan Huy P5, sinh năm 1981

3.14. Chị Phan Huy Huyền, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp giồng Kiến, xã Phú Long, huyện B, tỉnh E (nay Ấp giồng Kiến, là xã Tr2, tỉnh V).

3.15. Anh Phan Huy L1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện B, tỉnh E (nay là ấp T2, xã Th, tỉnh V).

3.16. Ông Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1984

3.17. Chị Trần Thị D2, sinh năm 1990

3.18. Bà Phùng Thị Tuyết M1, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp B1 Trung, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B1 Trung xã Tr2, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy Q1 của bà Bà Phùng Thị Tuyết M1: Ông Phan Thanh Th1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp B1 Trung, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B1 Trung, xã Tr2, tỉnh V).

3.19. Anh Phan Nhật L1, sinh năm 1990

3.20. Anh Phạm Nguyễn Công Q3, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Ấp B1 Trung, xã Tr1, huyện B, tỉnh E (nay là ấp B1 Trung, xã Tr2, tỉnh V).

3.21. Ủy ban nhân dân huyện B

Địa chỉ: Khu phố 2, thị Trấn B, huyện B, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy Q1: Ông Lê Văn Đức - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Thanh Th1.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn bà Phan Thanh Th2, anh Phan Huy L1, anh Phan Thanh L2 và trong quá trình tố tụng, bà Th2 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy Q1 cho anh L1, anh L2 trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Phan Thanh Dương chết năm 1999 và cụ Lê Thị Múi (Muối chết năm 2000. Hai cụ có 06 người con gồm: Ông Phan Thanh Điệp (chết năm 1992) có vợ là bà Nguyễn Thị Ráng, ông Điệp và Ráng có 03 con chung là anh Phan Thanh L2, bà Phan Thị Sa, bà Phan Thị Thanh Sa; Ông Phan Thanh Hội (chết năm 2005) có vợ là bà Lê Thị Nhung. Ông Hội có các con gồm ông Phan Thanh Thiệu, chị Phan Hồng C1, chị Phan C1 L1; ông Phan Thanh H1; ông Phan Thanh B1; ông Phan Thanh Th1; bà Phan Thanh Th2. Ngoài ra, cụ Phan Thanh Dương có một người vợ lớn là cụ Cao Thị Viễn (chết năm 1985). Cụ Dương và cụ Viễn có 01 con chung là ông Phan Huy Long (chết năm 2011), ông Long có vợ là bà Nguyễn Thị Như Thu. Ông Long và bà Thu có 03 con chung là anh Phan Huy L1, anh Phan Huy P5, chị Phan Huy Huyền.

Cha mẹ của các cụ Phan Thanh Dương, Lê Thị Múi (Muối), Cao Thị Viễn cũng đã chết từ lâu không nhớ năm sinh năm mất. Ngoài những người thuộc hàng thừa kế nêu trên các cụ không còn hàng thừa kế nào khác. Khi chết các cụ không để lại di chúc.

Khi còn sống cụ Phan Thanh Dương có tài sản là Q1 sử dụng đất gồm:

Thửa đất 332, tờ bản đồ số 03 diện tích 300m^2 loại đất thổ cư; thửa đất 333, tờ bản đồ số 03 diện tích 3.632m^2 loại đất trồng cây lâu năm (theo số liệu mới thuộc các thửa 201, 202 cùng tờ bản đồ số 26); thửa đất 418, tờ bản đồ số 3 diện tích 3.670m^2 loại đất trồng lúa (theo số liệu mới thuộc thửa 227, 214 cùng tờ bản đồ số 26) thuộc xã Tr1, huyện B, tỉnh E. Cả 03 thửa đất trên có nguồn gốc là của cha mẹ cho cụ Dương. Riêng thửa 418 do cụ Dương tham gia cách mạng, khai phá được cấp.

Năm 1995, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất

nên cụ Dương làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với các thửa đất 332, 333, 418 tờ bản đồ số 03 ngày 01/3/1996. Khi còn sống cụ Dương và cụ Múi (Muối) có cho bà 01 nền nhà thuộc một phần thửa 201 cất nhà ra riêng nhưng chưa thực hiện cắt sổ đỏ. Thực tế, bà đã xây dựng nhà từ năm 1992 cho đến nay, ban đầu xây dựng nhà cây lá đến năm 2002 thì xây dựng nhà tường móng cột bê tông cốt thép kiên cố. Căn nhà này hiện nay do bà và 02 con là anh Nguyễn Thanh D1, chị Trần Thị D2 quản lý, sử dụng. Khi thực hiện xây dựng không ai tranh chấp hay ngăn cản vì khi còn sống cha mẹ đã cho bà. Việc cho đất các anh chị em trong gia đình đều biết và không ai tranh chấp.

Sau khi cha mẹ bà chết, ông Phan Thanh Th1 sinh sống bên gia đình vợ tại thị trấn B làm nghề trồng rau, kinh tế khó khăn. Vì vậy, các anh em trong gia đình muốn tạo điều kiện cho ông Th1 làm kinh tế nên kêu ông Th1 về quản lý phần đất thuộc các thửa 332, 333, 418 tờ bản đồ số 03 để làm kinh tế.

Ngày 01/10/2002, ông Th1 kê khai nhận thừa kế phần đất thuộc các thửa 332, 333, 418 tờ bản đồ số 03 từ cụ Phan Thanh Dương. Lúc này, giữa các anh em trong gia đình Th1 nhất do ông Th1 cần vay tiền ngân hàng để nuôi tôm làm kinh tế mà sổ thì do cụ Dương đã chết đứng tên nên không vay được, muốn vay thì phải sang tên sang cho ông Th1. Vì vậy, ngày 09/10/2003 các anh chị em bà gồm ông Phan Thanh Hội, ông Phan Thanh H1, ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh Th1, bà Phan Thanh Th2 Th1 nhất ký vào biên bản họp mặt gia đình Th1 nhất để phần đất cụ Dương để lại cho ông Th1 đứng tên (riêng các con của ông Phan Thanh Điệp, ông Phan Huy Long không biết và không ký tên). Đối với phần nền nhà cha mẹ cho bà sau khi được cấp sổ, ông Th1 sẽ cắt chuyển nhượng lại cho bà. Tuy nhiên, sau khi ông Th1 được cấp sổ đỏ ngày 25/12/2003 thì không cắt phần đất cha mẹ bà cho bà mà thế chấp vay ngân hàng và hẹn nhiều lần. Lần gần đây nhất, ông Th1 nói đợi khi nào hết thời hiệu chia thừa kế thì ông Th1 sẽ cắt đất phần nền nhà cho bà nhưng bà không đồng ý nên tiến hành khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Năm 2014, ông Phan Thanh Th1 làm thủ tục cấp đổi thửa theo số liệu đo đạc chính quy, theo đó thửa 418 được tách thành 02 thửa 214 và 227, tờ bản đố số 26. Một phần thửa 333 và 332 thành thửa 202 tờ bản đồ số 26. Một phần thửa 333 thành thửa 201 tờ bản đồ số 26. Ông Th1 được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất thửa 214, 227 tờ bản đồ số 26 vào ngày 31/12/2014. Được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất thửa 201, 202 tờ bản đồ số 26 ngày 15/5/2015 việc cấp đổi các anh em không biết.

Ngày 11/6/2018, ông Phan Thanh Th1 chuyển nhượng thửa 214, 227 tờ 26 cho chị Phan Ngọc L các anh em đều không hay biết. Chị L được cấp giấy chứng nhận ngày 22/6/2018.

Phần đất thuộc các thửa thửa 201, 202, 214, 227 tờ bản đồ số 26 là tài sản riêng của cụ Phan Thanh Dương bởi nguồn gốc đất là của cha mẹ cụ Dương cho. Khi cụ Dương chung sống với cụ Viễn không có tài sản chung. Đến năm 1996, cụ Dương mới được cấp giấy chứng nhận. Ngoài ra, khi sống chung với vợ sau là cụ Múi (Muối) thì cụ Múi (Muối) là người Sài Gòn theo cụ Dương về quê sinh sống nên cũng không phải tài sản chung. Vì vậy, đây là tài sản riêng của cụ Dương. Sau khi cha bà chết các anh em có đồng ý để ông Th1 đứng tên nhưng thực tế không phải cho luôn mà để ông đứng tên quản lý, vay ngân hàng làm kinh tế vì trên đất

có nhà kiên cố của bà. Hơn nữa, biên bản họp gia đình không có ông Phan Huy Long là con ruột của cụ Dương và các con của ông Phan Thanh Điệp là người thừa kế thế vị của ông Điệp đồng ý ký tên. Thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế.

Vì vậy, bà và anh Phan Huy L1, Phan Thanh L2 yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho chị Phan Ngọc L. Chia di sản thừa kế là Q1 sử dụng đất thuộc các thửa 201, 202, 214, 227 tờ bản đồ số 26 với tổng diện tích đo đạc thực tế là 7.760,6m^2 thành 07 kỷ phần. Mỗi người nhận 1.108,6m^2. Phần của bà do bà nhận. Phần của ông Long do con của ông Long là anh Phan Huy L1 đại diện nhận. Phần của các con ông Điệp do anh Phan Thanh L2 đại diện nhận.

Theo đơn phản tố của bị đơn ông Phan Thanh Th1 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy Q1 của bị đơn trình bày:

Ông Th1 nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và hàng thừa kế. Tuy nhiên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì: Cha mẹ của ông là cụ Phan Thanh Dương và cụ Lê Thị Múi (Muối) khi chết không để lại di chúc. Sau khi cha mẹ chết, các anh chị em trong gia đình gồm ông Phan Thanh Hội, ông Phan Thành H1, ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh Th1, bà Phan Thanh Th2, ông Phan Huy Long và các con của ông Phan Thanh Điệp có bàn bạc Th1 nhất cho ông đứng tên và toàn Q1 quản lý, sử dụng định đoạt 03 thửa đất gồm thửa 332, 333, 418 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Tr1, huyện B, tỉnh E. Sau khi thỏa thuận ông đã tiến hành các thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất theo sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân xã Tr1. Do đó, đây là tài sản cha mẹ dành riêng cho ông, không phải di sản thừa kế.

Năm 2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là đã hết thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 vì "*thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận Q1 thừa kế của mình là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế*".

Mặt khác, ngày 09/10/2003 bà Th2 cùng 04 anh em gồm ông Phan Thanh Th1, ông Phan Thanh Hội, ông Phan Thanh H1, ông Phan Thanh B1 đã ký vào biên bản họp mặt gia đình Th1 nhất để phần đất thừa kế nêu trên lại cho ông và có cam đoan "*sẽ không khiếu nại với bất kỳ lý do gì về phần đất nêu trên...*". Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở và đã hết thời hiệu khởi kiện. Ông yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Đối với phần đất bà Th2 đang ở qua đo đạc có diện tích thực tế là 475,3m^2 thuộc một thửa 201-2, ông đồng ý giao phần đất này cho bà Th2 tiếp tục quản lý, sử dụng theo ý chí của cha mẹ ông khi còn sống là cho bà Th2 cất nhà để ở. Ông xin rút lại yêu cầu bà Th2 di dời nhà trả đất này, ông đồng ý giao phần đất có kí hiệu 201-2 diện tích 475,3m^2 cho bà Th2.

Đối với yêu cầu chia thừa kế thửa 214, 227 tờ bản đồ số 26, ông không đồng ý chia di sản thừa kế vì phần đất này các anh chị em đã đồng ý cho cá nhân ông và ông đã chuyển nhượng cho người khác nên không còn là di sản thừa kế.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế cho anh Phan Huy L1, Phan Thanh L2 những người thuộc hàng thừa kế của Phan Thanh Điệp, Phan Huy Long vì chưa ký vào biên bản ngày 09/10/2003 đối với thửa 201, 202 tờ 26 theo kết quả đo đạc thực tế nhưng trả giá trị bằng tiền, theo giá do Hội đồng định giá đã định.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn thì ông yêu câu xác định ½ di sản là của cá nhân ông. Vì ông có công sức giữ gìn, tôn tạo đất hơn 20 năm. Sau khi trừ ½ di sản là của cá nhân ông thì phần còn lại chia thành 07 kỷ phần. Phần của bà Th2, anh L2, anh Long ông đồng ý chia giá trị bằng tiền. Đối với những người không yêu cầu chia di sản trong vụ án này xem như từ chối nhận di sản thừa kế.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Châu Q thì ông Th1 đồng ý. Trường hợp Tòa án tiến hành chia di sản thừa kế cho nguyên đơn ngay vị trí đất ông cho anh Q thuê thì ông yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thanh Th2, ông H1, B1, người thừa kế của ông Hội phải liên đới bồi thường số tiền 514.129.000 đồng cho anh Đỗ Châu Q.

Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Châu Q trình bày:

Ngày 01/01/2022, anh có thuê của ông Phan Thanh Th1 diện tích đất ngang 12m, dài 25m thuộc 01 phần thửa đất 201, tờ bản đồ số 26, tọa lạc xã Tr1, huyện B, tỉnh E để làm đại lý mua bán thức ăn và thuốc Th2 sản. Thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2032. Giá thuê 10 năm là 144.000.000 đồng. Anh đã thanh toán toàn bộ tiền thuê cho ông Phan Thanh Th1. Khi thuê anh không biết phần đất thuê đang tranh chấp. Sau khi Tòa án tiến hành mời làm việc anh mới biết việc này.

Sau khi thuê, anh đã tiến hành xây dựng nhà làm đại lý thức ăn. Qua yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, anh không có ý kiến. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án tiến hành chia di sản thừa kế cho nguyên đơn tại vị trí đất anh đã thuê của ông Th1 thì anh yêu cầu ông Th1 bồi thường chi phí đầu tư trên đất cho anh theo giá mà hội đồng định giá đã định là 514.129.000 đồng và trả lại anh số tiền thuê của thời gian chưa thực hiện hợp đồng tạm tính đến ngày 01/08/2024 là 105.600.000 đồng. Trường hợp Tòa án không chia di sản thừa kế hoặc chia di sản thừa kế cho nguyên đơn nhưng vị trí khác vị trí anh thuê thì anh và ông Th1 tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê đã ký kết ngày 01/01/2022.

Trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Ngọc L trình bày:

Ngày 11/6/2018, chị có nhận chuyển nhượng Q1 sử dụng đất từ ông Phan Thanh Th1 đối với thửa đất 214, 227 tờ bản đồ số 26 với tổng diện tích 3.478,6m^2. Giá nhận chuyển nhượng là 60.000.000 đồng/1.000m^2. Chị đã giao tiền chuyển nhượng cho ông Phan Thanh Th1 đầy đủ. Khi nhận chuyển nhượng chị không biết đây là đất tranh chấp chưa chia thừa kế. Ngày 22/6/2018, chị đã được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đã cấp cho chị thì chị không đồng ý vì phần đất này chị nhận chuyển nhượng ngay tình, không biết đất có tranh chấp. Tiền chuyển nhượng đã giao đầy đủ cho ông Phan Thanh Th1. Do diện tích đất còn lại để chia cho nguyên đơn vẫn còn nhiều nên trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế thì chia di sản vị trí khác hoặc chia bằng giá trị đối với phần đất đã bán chuyển nhượng cho chị.

Trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh Thiệu trình bày:

Anh Th1 nhất với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Anh là con của ông Phan Thanh Hội (đã chết năm 2005), ngoài anh thì ông Hội có vợ là bà Nhung và 02 người con là chị Phan Hồng C1 và chị Phan C1 L1. Khi cha anh chết, gia đình có hỏi ông Th1 để đưa cha anh về thửa đất 201, 202 tờ 26 để chôn cất cùng với cụ Phan Thanh Dương. Nhưng ông Phan Thanh Th1 không đồng ý nên từ đó bà Nhung và 02 người em gái của anh cắt liên lạc với dòng họ và không cung cấp địa chỉ cư trú cho ai biết. Nên hiện nay không ai biết địa chỉ cư trú của bà Nhung, chị C1, chị L1. Anh chỉ liên lạc được chị L1 qua số điện thoại nhưng xin địa chỉ cư trú nhiều lần nhưng không được, anh có thông báo về việc khởi kiện của bà Th2 cho chị L1 biết nhưng chị cho rằng không có yêu cầu khởi kiện và không còn liên quan đến gia đình bên nội nên không đồng ý cung cấp địa chỉ và tham gia tố tụng.

Trong vụ án này, anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng anh không có yêu cầu chia di sản trong vụ án này, khi nào có nhu cầu anh sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh H1 trình bày:

Các ông Th1 nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Phần đất thuộc các thửa 201, 202, 214, 227 tờ bản đồ số 26 có nguồn gốc từ cha mẹ cụ Dương cho cụ Dương trước khi gặp người vợ lớn là cụ Cao Thị Viễn. Sau khi chung sống với cụ Viễn, vì hoạt động cách mạng nên cụ Dương lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và gặp mẹ của các ông là cụ Lê Thị Múi (Muối). Các thửa đất trên là tài sản riêng của cụ Dương, không phải là tài sản chung. Trước khi chết, cụ Dương có cho bà Th2 là con gái út một nền nhà và bà Th2 đã cất nhà năm 1992. Sau khi cụ Dương, vụ Múi (Muối), ông Th1 sống bên vợ có hoàn cảnh khó khăn nên các anh chị em gồm ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh H1, ông Phan Thanh Th1, bà Phan Thanh Th2, ông Phan Thanh Hội Th1 nhất phần đất do cha để lại cho ông Th1 đứng tên để làm kinh tế và thuận tiện trong việc vay tiền ngân hàng. Việc thỏa thuận này không phải cho luôn vì lúc này có nhà bà Th2 trên đất, hơn nữa các con của ông Long và ông Điệp chưa ký tên đồng ý cho ông Th1. Thời điểm này ông Th1 có hứa sau khi sang tên qua cho ông thì ông sẽ cắt phần đất bà Th2 được cha mẹ cho sang cho bà Th2, nhưng đến nay không thực hiện. Riêng phần đất ông Th1 chuyển nhượng cho bà L khi nào thì anh em không biết, khi bà Th2 khởi kiện mới biết.

Trong vụ án, các ông đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Riêng đối với hai ông không có yêu cầu chia di sản trong vụ án này. Khi nào có nhu cầu, các ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Đối với phần đất thổ mộ nằm trên thửa đất 201 tờ 26 do ông Th1 quản lý. Tuy nhiên, ông Th1 không chăm sóc mồ mã, các anh chị em yêu cầu được sửa chữa mồ mã, ông Th1 cũng không đồng ý. Vì vậy, các ông yêu cầu tách riêng phần đất thổ mộ và chừa một lối đi chung vào thổ mộ để anh em tiện việc chăm sóc mồ mã.

Trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Sa, chị Phan Thị Thanh Sa trình bày:

Các chị Th1 nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản

thừa kế. Trong vụ án này, các chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần di sản thừa kế thế vị của các con ông Phan Thanh Điệp sẽ do anh Phan Thanh L2 đại diện nhận. Đề nghị Tòa án tuyên giao phần di sản chia thừa kế thế vị cho anh Phan Thanh L2. Việc thỏa thuận phân chia như thế nào sẽ do anh L2 và hai chị tự thỏa thuận giải quyết riêng.

Trong quá trình tố tụng, người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Huy Huyền, anh Phan Huy P5, bà Nguyễn Thị Như Thu trình bày:

Anh P5, chị Huyền, bà Thu Th1 nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Ông Phan Huy Long là con của cụ Phan Thanh Dương và cụ Cao Thị Viễn. Hai chết không để lại di chúc. Bà Thu là vợ ông Phan Huy Long, ông bà có 03 con chung là anh Phan Huy L1, chị Phan Huy Huyền, anh Phan Huy P5, ông Long chết không để lại di chúc. Trong vụ án này anh P5, anh Huyền, bà Thu đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần di sản thừa kế chuyển tiếp của ông Long sẽ do anh Phan Huy L1 đại diện nhận. Đề nghị Tòa án tuyên giao phần di sản chia thừa kế chuyển tiếp cho anh Phan Huy L1. Việc thỏa thuận phân chia như thế nào sẽ do anh L1 và anh P5, chị Huyền, bà Thu tự thỏa thuận giải quyết riêng.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy Q1 của người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh D1, chị Trần Thị D2 trình bày:

Anh D1, chị D2 là con trai và con dâu của bà Th2. Anh D1, chị D2 và bà Th2 là người đang sinh sống tại căn nhà do bà Th2 xây dựng từ năm 1992, xây dựng kiên cố từ năm 2002 thuộc phần có kí hiệu 201-2. Đây là phần đất khi cụ Dương còn sống đã cho bà Th2 cất nhà. Việc cất nhà từ năm 1992 và xây dựng kiên cố từ năm 2002 cho đến nay, các anh chị em bà Th2 đều biết và không phản đối. Ông Th1 cho rằng phần đất này ông Th1 cho bà Th2 ở tạm và có văn bản thỏa thuận việc cho ở tạm và do bà Th2 lưu giữ là không đúng. Quá trình giải quyết ông Th1 có yêu cầu phản tố buộc bà Th2 di dời nhà trả lại phần đất 100,8m^2 thuộc một phần thửa 201 tờ bản đồ số 26 thì anh D1 và chị D2 không đồng ý. Hiện tại, ông Th1 rút yêu cầu phản tố và đồng ý giao cho bà Th2 phần đất thuộc thửa 201-2 diện tích 475,3m^2 thì anh D1, chị D2 đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy Q1 của người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Đối với quy trình cấp giấy chứng nhận cấp cho ông Th1 và bà L là đúng quy định của pháp luật. Đối với nội dung cấp giấy chứng nhận cấp cho ông Th1, việc thu hồi giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho cụ Dương để cấp ông Th1 là dựa trên hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã Tr1 trình. Ngoài ra, căn cứ vào biên bản họp mặt gia đình đồng ý để ông Th1 đứng tên nên Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất của cụ Dương, cấp lại cho ông Th1 là phù hợp. Việc thiếu hàng thừa kế của cụ Dương là do sai sót của cấp xã. Ủy ban nhân dân huyện không có cơ sở hủy giấy chứng nhận cấp cho ông Th1 và bà L theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án tuyên buộc hủy thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện hủy theo bản án.

Do H1 giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2024/DS-ST ngày 14/10/2024 của Tòa án

nhân dân huyện B đã áp dụng khoản 2, 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 227, khoản 2 Điều 244, 157, 165, khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 678, 679, 680, 683 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, 167 Luật Đất đai 2013; Điều 15, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh Th2, anh Phan Thanh L2, anh Phan Huy L1 đối với bà ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

[1.1] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho bà Phan Thanh Th2 phần đất có diện tích 655,8m^2, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-2, 201-3, 202-6 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 và số tiền 147.753.437đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Bà Phan Thanh Th2 có Q1 sử dụng đất diện tích 655,8m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-2, 201-3, 202-6 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024. Bà Phan Thanh Th2 có Q1 liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm Q1 để được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với Q1 sử dụng diện tích 655,8m^2, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-2, 201-3, 202-6 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 (*có họa đồ hiện trạng đất kèm theo*).

[1.2] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho anh Phan Thanh L2 diện tích 655,8m^2 Q1 sử dụng đất, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-7, 202-3 tờ bản đố số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 và số tiền 147.753.437đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Anh Phan Thanh L2 có Q1 sử dụng diện tích 655,8m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-7, 202-3 tờ bản đố số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024. Anh Phan Thanh L2 có Q1 liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm Q1 để được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với Q1 sử dụng diện tích 655,8m^2 trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-7, 202-3 tờ bản đố số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 (*có họa đồ hiện trạng đất kèm theo*).

Buộc ông Phan Thanh Th1 phải tháo dỡ một chuồng dê 2, diện tích 27,2m^2 có kết cấu: Nền đất, cột cây, vách lá tạp để giao Q1 sử dụng đất cho anh Phan Thanh L2 (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 kèm theo).

[1.3] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho anh Phan Huy L1 diện tích 262,3m^2 Q1 sử dụng đất, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-5, 202-4 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất

ngày 25/10/2024 và số tiền 97.835.625đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Anh Phan Huy L1 có Q1 sử dụng diện tích đất 262,3m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-5, 202-4 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024. Anh Phan Huy L1 có Q1 liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm Q1 để được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với diện tích đất 262,3m^2, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-5, 202-4 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024.

Kiến nghị cơ quan có thẩm Q1 cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cho các đương sự nêu trên và điều chỉnh giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho ông Phan Thanh Th1 đối với thửa 201, 202 tờ bản đố số 26 theo kết quả tuyên xử nêu trên.

2. Ghi nhận những người thừa kế gồm ông Phan Thanh H1, Phan Thanh B1, người thừa kế của Phan Thanh Hội không có yêu cầu chia di sản thừa kế trong cùng vụ kiện.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thanh Th2 phải di dời nhà trả lại phần đất thuộc 01 phần thửa 201 tờ bản đồ số 26 xã Tr1 có diện tích 100,8m^2.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Châu Q về việc buộc ông Phan Thanh Th1 bồi thường thiệt hại tài sản và hợp đồng thuê Q1 sử dụng đất.

5. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất của bà Phan Thanh Th2 đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho bà Phan Ngọc L ngày 22/6/2018 số CN 589722, CN 589723.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu chia cho ông 01 kỷ phần thừa kế do có công sức giữ gìn cải tạo đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và Q1 kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2024, bị đơn ông Phan Thanh Th1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các thửa 214, 227 tờ bản đồ số 26 vì ông chuyển nhượng đất để trả nợ chi phí đã lo cho cha mẹ trước đó. Ông đồng ý chia cho bà Th2 phần đất có kí hiệu 201-2 theo ý chí của cha mẹ ông khi còn sống. Ông đồng ý chia cho ông L1, ông L2 kỷ phần thừa kế đối với 02 thửa 201, 202 nhưng chia bằng giá trị, đồng thời trước khi chia phải trừ ra phần đất của ông và công sức đóng góp cải tạo đất cho ông.

Ngày 28/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2024/DS-ST ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, nội dung đề nghị cấp phúc thẩm hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho bà Phan Ngọc L và yêu cầu chia cho ông Th1 01 kỷ phần thừa kế do có công sức giữ gìn cải tạo đất, sửa một phần bản án sơ thẩm,

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th2, ghi nhận sự tự nguyện của ông Th1 cho bà Th2 được nhận phần đất có diện tích 475,3m^2, đồng thời buộc bà Th2 hoàn giá trị phần đất chênh lệch 180,5m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn, đại diện ủy Q1 của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xem xét dành 01 kỷ phần thừa kế về công sức đóng góp của ông Phan Thanh Th1 và phần tiền chuộc đất đã cầm cho bà Trang đề nghị xem xét. Đối với di nguyện của ông Dương thì ông Th1 đồng ý cho bà Th2 một nền nhà trong khuôn viên thuộc thửa 201-2 tờ bản đồ số 26 diện tích 475,3m^2. Đối với kỷ phần của ông Phan Huy L1, Phan Thanh L2 thì ông Th1 đồng ý chia thừa kế nhưng chia giá trị, đối vối phần thổ cư, diện tích đất sau khi chia bị vôi dư đề nghị bồi hoàn lại giá trị cho ông Th1. Đối với phần đất chiều ngang 2m thuộc thửa 201-6 diện tích 65,7m^2 ông Th1 đồng ý để lại dành riêng cho các anh chị em con cháu trong hô tộc làm lối đi vào khu thổ mộ chung của họ tộc.

Các nguyên đơn bà Th2 không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đã cấp cho bà Phan Ngọc L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Thanh Th1, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 V). Sửa Bản án sơ thẩm số: 164/2024/DS-ST ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-V) theo hướng Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th1 giao lại cho bà Th2 diện tích 475,3m^2 thuộc thửa 201-2 tờ bản đồ số 26. Đối với phần ông Phan Huy L1 được nhận 262,3m^2 thuộc thửa 201-5, 202-4 do không đủ điều kiện nên giao bằng giá trị. Đối với phần ông Phan Thanh L2 được nhận 655,8m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-7, 202-3 tờ bản đố số 26 do đủ điều kiện hợp thửa nên giao bằng hiện vật là Q1 sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phan Thanh Th1, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Ngọc L, anh Phan Thanh Thiệu, ông Phan Thanh B1, chị Phan Thị Sa, chị Phan Thị Thanh Sa, bà Nguyễn Thị Như Thu, anh Phan Huy P5, chị Phan Huy Huyền, ông Lê Văn Đức có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt

những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế và trích lục họa đồ địa chính thửa đất có tổng diện tích 7.760,6m^2 thuộc các thửa đất 201, 202, 214 và 227 cùng tờ bản đồ số 27, tọa lạc xã Tr1, huyện B, tỉnh E. Hộ ông Phan Thanh Th1 đang quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất các thửa 201, 202. Các thửa 214, 217 do chị Phan Ngọc L quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất.

Nguyên đơn cho rằng các thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Dương và cụ Muối nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Trong khi đó, bị đơn cho rằng sau khi cha mẹ chết thì các anh chị em Th1 nhất để ông được Q1 sử dụng các thửa đất trên nên không đồng ý chia thừa kế.

[2.2] Về nguồn gốc và quá trình biến động của các thửa đất:

Theo quy trình cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cung cấp thì các thửa đất tranh chấp gồm: Thửa 332, tờ bản đồ số 03 diện tích 300m^2 loại đất thổ cư; thửa 333, tờ bản đồ số 03 diện tích 3.632m^2 loại đất trồng cây lâu năm; thửa 418, tờ bản đồ số 3 diện tích 3.670m^2 loại đất trồng lúa thuộc xã Tr1. Theo số liệu đo đạc chính quy, thửa 418 được tách thành 02 thửa 214 và 227 tờ bản đố số 26. Một phần thửa 333 và 332 nhập thành thửa 202, tờ bản đồ số 26. Một phần thửa 333 thành thửa 201 tờ bản đồ số 26. Khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất thì cụ Phan Thanh Dương được cấp giấy chứng nhận đối với 03 thửa đất với diện tích 7.602m^2 ngày 01/3/1996.

Theo Công văn số 2079/UBND-NC ngày 25/6/2024 thì việc cấp giấy chứng nhận theo quyết định là hộ nhưng khi cấp giấy ghi cá nhân cụ Phan Thanh Dương và Ủy ban nhân dân huyện cũng không xác định được việc cấp cho hộ cụ Phan Thanh Dương thời điểm này gồm những ai. Về nguồn gốc đất từ cha mẹ của cụ Dương cho và cụ Dương tự khai phá đã được các con của cụ là ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh H1, bà Phan Thanh Th2, các con của Phan Thanh Hội, Phan Thanh Điệp, Phan Huy Long thừa nhận. Riêng ông Phan Thanh Th1 cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp có một phần do cha mẹ cụ Dương tặng cho và của ông do được tập đoàn khoán với diện tích 1.200m^2 thuộc một phần các thửa 227, 214 tờ bản đồ số 26. Tuy nhiên, ông Th1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, cấp sơ thẩm xác định các thửa 201, 202, 214, 227 tờ bản đồ số 26 có nguồn gốc từ cha mẹ cho cá nhân cụ Phan Thanh Dương là có căn cứ.

[2.3] Cụ Phan Thanh Dương và cụ Cao Thị Viễn chung sống như vợ chồng và có con chung từ trước năm 1945. Sau đó, cụ Dương và cụ Lê Thị Múi (Muối) chung sống như vợ chồng và có con chung từ trước năm 1951. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 và điểm a, mục 4 Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 thì hôn nhân giữa cụ Dương với cụ Viễn, cụ Múi (Muối) đều là hôn nhân thực tế. Theo quy định tại Điều 15, 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 thì "*Vợ và chồng đều có Q1 sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Vợ và chồng đều có Q1 thừa kế tài sản của nhau"*. Cụ Viễn chết năm 1985 là trước khi cụ Dương được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng

đất đối với các thửa đất 201, 202, 214, 227 tờ bản đồ số 26. Đồng thời, khi cấp sơ thẩm xác định Q1 sử dụng các thửa đất trên là tài sản chung của cụ Dương và cụ Múi (Muối) thì vợ con của ông Phan Huy Long là con của cụ Viễn và cụ Dương không có kháng cáo nên có cơ sở xác định Q1 sử dụng đất tranh chấp là tài sản chung của cụ Dương và cụ Muối.

[2.4] Về hàng thừa kế:

Theo sự Th1 nhất của các đương sự thì cụ Cao Thị Viễn chết năm 1985, cụ Phan Thanh Dương chết năm 1999, cụ Lê Thị Múi (Muối) chết năm 2000. Các cụ chết không để lại di chúc nên di sản của các cụ sẽ được thuộc Q1 thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của các cụ.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Thanh Dương bao gồm: Cụ Lê Thị Múi (Muối) và 07 người con của cụ Dương là ông Phan Thanh H1, ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh Th1, bà Phan Thanh Th2, ông Phan Thanh Hội (đã chết năm 2005, chết sau cụ Dương, có người thừa kế chuyển tiếp là vợ bà Lê Thị Nhung, các con là anh Phan Thanh Thiệu, chị Phan Hồng C1, chị Phan C1 L1); ông Phan Huy Long (chết năm 2011, chết sau cụ Dương, có người thừa kế chuyển tiếp là vợ bà Nguyễn Thị Như Thu, các con là anh Phan Huy L1, anh Phan Huy P5, chị Phan Huy Huyền); ông Phan Thanh Điệp (chết năm 1992, chết trước cụ Dương, có người thừa kế chuyển tiếp là anh Phan Thanh L2, chị Phan Thị Sa, chị Phan Thị Thanh Sa).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị Múi (Muối) gồm các con của cụ Múi (Muối) với cụ Dương: Ông Phan Thanh H1, ông Phan Thanh B1, ông Phan Thanh Th1, bà Phan Thanh Th2, ông Phan Thanh Hội (đã chết năm 2005, chết sau cụ Muối, có người thừa kế chuyển tiếp là vợ bà Lê Thị Nhung, các con là anh Phan Thanh Thiệu, chị Phan Hồng C1, chị Phan C1 L1); ông Phan Thanh Điệp (chết năm 1992, chết trước cụ Muối, có người thừa kế chuyển tiếp là anh Phan Thanh L2, chị Phan Thị Sa, chị Phan Thị Thanh Sa).

Đối với yêu cầu của ông Th1 về việc chia cho ông một kỷ phần thừa kế do có công sức giữ gìn, cải tạo đất, xét thấy phần đất trước khi ông Th1 về quản lý là đất vườn dừa, ông Th1 đã đào thành 01 ao nuôi tôm nên ông Th1 là người trực tiếp hưởng lợi từ việc cải tạo đất nuôi tôm, đồng thời ông Th1 cũng cho anh Đỗ Châu Q thuê đất làm đại lý thức ăn và nhận toàn bộ tiền thuê đất từ anh Q. Như vậy, ông Th1 là người được hưởng lợi trực tiếp từ việc cải tạo đất và cho thuê đất nên nếu tính cho ông Th1 thêm 01 kỷ phần sẽ ảnh hưởng đến Q1 và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác nên cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của ông Th1 đối với nội dung này là phù hợp.

Như vậy, di sản của cụ Dương được chia làm 08 kỷ phần (vợ là cụ Muối và 07 người con), di sản của cụ Muối được chia làm 06 kỷ phần (06 người con chung của cụ Muối với cụ Dương).

Trong vụ án này, chỉ có bà Phan Thanh Th2, anh Phan Huy L1 là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phan Huy Long và anh Phan Thanh L2 là người thừa kế thế vị của ông Phan Thanh Điệp có yêu cầu chia di sản thừa kế. Nên cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bà Phan Thanh Th2, anh Phan Huy L1 và Phan

Thanh L2 là phù hợp. Trong đó, kỷ phần của ông Long sẽ do anh L1 đại diện nhận, kỷ phần thừa kế của ông Điệp sẽ do anh L2 đại diện nhận.

[2.5] *Xét biên bản họp gia đình ngày 09/10/2023*, xét thấy văn bản sau khi cụ Dương và cụ Muối chết thì các con của hai cụ gồm ông Hội, ông H1, ông B1, ông Th1 và bà Th2 đến Ủy ban nhân dân xã Tr1 lập biên bản họp gia đình ngày 09/10/2003 để chuyển Q1 sử dụng đất diện tích 7.602m^2 thuộc các thửa 332, 333, 418 cùng tờ bản đồ số 3, xã Tr1 cho ông Phan Thanh Th1 được các bên thừa nhận là tình tiết không phải chứng minh. Bà Th2, ông H1 trình bày việc bà ký tên vào biên bản ngày09/10/2003 không phải bà tự từ bỏ Q1 thừa kế mà để cho ông Th1 đại diện gia đình thôi và để thuận tiện trong việc vay vốn làm ăn, đồng thời ông Th1 hứa sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho bà sau khi được cấp giấy nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Bà Th2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà bị lừa dối, ép buộc cũng như có việc thỏa thuận chuyển nhượng lại đất cho bà đướng tên. Xét thấy các ông bà ông Hội, ông H1, ông B1, ông Th1 và bà Th2 tự định đoạt kỷ phần thừa kế của mình cho ông Th1 theo biên bản họp gia đình ngày 09/10/2003, chỉ riêng đại diện hàng thừa kế của ông Điệp, ông Long không có ký tên nên biên bản họp gia đình ngày 09/10/2003 có hiệu lực một phần đối với phần định đoạt ông Hội, ông H1, ông B1, ông Th1 và bà Th2, và vô hiệu một phần đối với phần của hàng thừa kế của ông Điệp, ông Long. Do đó, bà Th2 đã định đoạt Q1 sử dụng đất mà lẽ ra bà được thừa kế cho ông Th1 nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Th2, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thep pháp luật của ông Phan Thanh L2 được nhận thừa kế từ ông phần của ông Điệp, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Phan Huy L1 được nhận từ phần ông Long.

Tuy nhiên, ông Th1 tự nguyện giao lại cho bà Th2 phần đất thuộc thửa 201-2 tờ bản đồ số 26 diện tích 475,3m^2 (trong đó có 50m^2) nên ghi nhận. Trên phần đất bà Th2 được nhận có ngôi nhà của bà Th2 xây nên không xém xét giá trị bồi hoàn. Cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà Th2 chưa phù hợp nên cần điều chỉnh nội dung này.

Do biên bản họp gia đình ngày 09/10/2003 vô hiệu một phần đối với phần của hàng thừa kế của ông Phan Thanh Điệp, ông Phan Huy Long nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Huy Long , Phan Thanh Điệp được chia thừa kế theo pháp luật. cụ thể:

Ông Phan Huy L1 đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Huy Long được nhận 262,3m^2 thuộc thửa 201-5, 202-4, do không đủ điều kiện nên giao bằng giá trị. Cụ thể ông Phan Thanh Th1 phải giao lại ông L1 giá trị là (218.4 m^2 x 800.000 đồng) + (43.9 m2 x 350.000 đồng) = 190.085.000 đồng.

Ông Phan Thanh L2 đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Thanh Điệp được nhận 655,8m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-7, 202-3 tờ bản đố số 26, do không đủ điều kiện hợp thửa đất về thổ cư nên giao bằng hiện vật là Q1 sử dụng đất, Cụ thể ông Phan Thanh Th1 phải giao lại ông Phan Thanh L2 giá trị là (444.5 m^2 x 800.000 đồng) + (211.3 m^2 x 350.000 đồng) = 429.555.000 đồng.

[2.6] Đối với lối đi vào khu thổ mộ: Qua xem xét thẩm định tại chỗ phần đất thổ mộ gồm 04 ngô mộ gồm mộ cụ Dương, cụ Múi (Muối), mẹ cụ Dương và ông

Điệp. Phần đất thổ mộ chỉ có diện tích 18,8m^2. Theo lời trình bày của bà Th2, ông H1, ông B1 thì họ có nguyện vọng xây dựng mồ mã cho cụ Dương và các ngôi mộ hiện tại nhưng ông Th1 đang quản lý đất không đồng ý. Nguyên đơn và các người con khác của cụ Dương, ông Th1 đều đồng ý dành phần đất thổ mộ hiện tại là chiều ngang 2m thuộc thửa 201-6 diện tích 65,7m^2 và 01 lối đi chung vào khu thổ mộ để các con cháu của cụ Dương đều có thể chăm sóc mồ mã. Điều này phù hợp với truyền Th1 văn hóa và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm dành ra phần đất có kí hiệu 201-8 diện tích 18,8m^2 làm thổ mộ và dành phần đất có kí hiệu 201-6 diện tích 65,7m^2 làm lối đi chung vào phần thổ mộ là phù hợp.

[2.7]Đối với thửa 214 và 227, ông Th1 đã chuyển nhượng các thửa đất này cho bà Phan Ngọc L nên chia thừa kế bằng giá trị. Bà Th2 đã định đoạt Q1 sử dụng đất này cho ông Th1 nên bà không được chia thừa kế phần đất này mà chỉ ông Phan Huy L1, Phan Thanh L2 đươc nhận giá trị. Cấp sơ thẩm chia cho bà Th2 là không phù hợp nên cần điều chỉnh. Giá trị Q1 sử dụng đất thửa 214 diện tích 2.626,6m^2 và thửa 227 có diện tích 852,0m^2 là 1.565.370.000 đồng, trong đó anh L1 được chia 97.835.625 đồng (1.565.370.000 đồng/2/8), anh L2 được nhận 244.589.062 đồng = [(1.565.370.000 đồng/2 + 97.835.625 đồng)/6 + 97.835.625 đồng].

Như vậy, tổng giá trị tài sản ông Phan Huy L1 được nhận thừa kế là 190.085.000 đồng + 97.835.625 đồng = 287.920.625 đồng. Tổng giá trị tài sản ông Phan Thanh L2 được nhận thừa kế là 244.589.062 đồng + 429.555.000 đồng = 674.144.062 đồng.

[2.8] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho chị L: Ngày 18/10/2024 bà Th2 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th2 vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại nội dung này nên cần phải hủy, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa là phù hợp nên cần sửa bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo là có cơ sở nên dược chấp nhận. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vỉnh Long) là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phan Thanh Th1 không phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông Th1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Thanh Th1;

Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – V)

Sửa Bản án sơ thẩm số: 164/2024/DS-ST ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - V).

Áp dụng áp dụng khoản 2, 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 227, khoản 2 Điều 244, 157, 165, khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 678, 679, 680, 683 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, 167 Luật Đất đai 2013; Điều 15, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh Th2, anh Phan Thanh L2, anh Phan Huy L1 đối với bà ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

[1.1] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho bà Phan Thanh Th2 phần đất có diện tích 475,3m^2, trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn, thuộc các phần có kí hiệu 201-2, tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 .

Bà Phan Thanh Th2 có Q1 sử dụng đất diện tích 475,3m^2 thuộc các phần có kí hiệu 201-2 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024. Bà Phan Thanh Th2 có Q1 liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm Q1 để được cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất đối với phần đất được nhận475,3m^2 kí hiệu 201-2 tờ bản đồ số 26.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm Q1 để điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất theo bản án này.

Trên phần đất bà Th2 được nhận có ngôi nhà của bà Th2 xây nên không xém xét giá trị bồi hoàn

[1.2] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho anh Phan Thanh L2 nhưng nhận bằng giá trị tiền 674.144.062 đồng. (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

[1.3] Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chia di sản thừa kế cho anh Phan Huy L1 nhưng nhận bằng giá trị tiền là 287.920.625 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng)

[2] Ghi nhận những người thừa kế gồm ông Phan Thanh H1, Phan Thanh B1, người thừa kế của Phan Thanh Hội không có yêu cầu chia di sản thừa kế trong cùng vụ kiện.

[3] Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thanh Th2 phải di dời nhà trả lại phần đất thuộc 01 phần thửa 201 tờ bản đồ số 26 xã Tr1 có diện tích 100,8m^2.

[4] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Châu Q về việc buộc ông Phan Thanh Th1 bồi thường thiệt hại tài sản và hợp đồng thuê Q1 sử dụng đất.

[5] Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất của bà Phan Thanh Th2 đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận Q1 sử dụng đất cấp cho bà Phan Ngọc L ngày 22/6/2018 số CN 589722, CN 589723.

[6] Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh Th1 về việc yêu cầu chia cho ông 01 kỷ phần thừa kế do có công sức giữ gìn cải tạo đất.

Ghi nhận ông Phan Thanh Th1 tự nguyện dành phần đất chiều ngang 2m thuộc thửa 201-6 diện tích 65,7m^2 tờ bản đồ số 26 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/10/2024 làm 01 lối đi chung vào khu thổ mộ để các con cháu của cụ Dương đều có thể chăm sóc mồ mã.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q1 chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Phan Thanh Th2 phải chịu 9.257.228 đồng; anh Phan Thanh L2 phải chịu 8.807.484 đồng, anh Phan Huy L1 phải chịu 4.403.924 đồng. Toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này do nguyên đơn tạm ứng và đã quyết toán xong.

Buộc ông Phan Thanh Th1 phải chịu chi phí định giá lại là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Do ông Th1 tạm ứng và đã quyết toán xong.

Buộc bà Phan Thanh Th2 phải chịu 1.798.000(một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn)đồng số tiền chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm đã tạm ứng và đã quyết toán xong.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí sơ thẩm:

Ông Phan Thanh Tống được miễn. Hoàn trả cho ông Phan Thanh Th1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001861 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - V).

Buộc anh Phan Thanh L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.966.000đồng(Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh Phan Thanh L2 đã nộp là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0007583 ngày 03 tháng 10 năm 2023; 0003447 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - V). Vậy anh Phan Thanh L2 còn phải nộp 29.916.000đ (Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Buộc anh Phan Huy L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.396.000đ (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh Phan Huy L1 đã nộp là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0007584 ngày 03 tháng 10 năm 2023; 0003448 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - V). Vậy anh Phan Huy L1 còn phải nộp 13.346.000đ (Mười ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Buộc Bà Phan Thanh Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **19.012.000đ** (Mười chín triệu không trăm mười hai nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Phan Thanh Th2 đã nộp là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0007582 ngày 03 tháng 10 năm 2023, 0003445 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - V). Vậy bà Phan Thanh Th2 còn phải nộp 17.962.000đ (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Buộc bà Phan Thanh Th2 phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Đỗ Châu Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.282.580đ (Mười hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0001871 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - V).

[8.2] Án phí phúc thẩm: Ông Phan Thanh Th1 được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q1 thỏa thuận thi hành án, Q1 yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh V;
- TAND khu vực 8 - V;
- Phòng THADS khu vực 8 - V;
- Phòng GĐKT, TT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương